

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC KHÁNH HUY

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC KHÁNH HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400893746

**3. Ngày thành lập:** 28/08/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Bì, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                             | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                       | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                        | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                            | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                 | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                  | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                   | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                            | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                     | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                               | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                          | 4299(Chính) |
| 13. | Phá dỡ                                                                              | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                   | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                               | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí               | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                      | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                      | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                 | 4390        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                    | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                | 4933 |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                           | 5022 |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                   | 5210 |
| 25. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                              | 5224 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                       | 5225 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                           | 5229 |
| 28. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm đầu giá)                                                                                                                                                                                                | 4511 |
| 29. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(không bao gồm đầu giá)                                                                                                                                                                                        | 4512 |
| 30. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm đầu giá)                                                                                                                                                                                                  | 4513 |
| 31. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm đầu giá)                                                                                                                                                                 | 4530 |
| 32. | Bán mô tô, xe máy<br>(không bao gồm đầu giá)                                                                                                                                                                                                                  | 4541 |
| 33. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(không bao gồm đầu giá)                                                                                                                                                                              | 4543 |
| 34. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                           | 4651 |
| 35. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                            | 4652 |
| 36. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                        | 4653 |
| 37. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                               | 4659 |
| 38. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh | 4663 |
| 39. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                          | 4752 |
| 40. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                      | 4773 |
| 41. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |
| 42. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                           | 4662 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HOÀNG QUÂN     | Thôn Bì, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 121428877                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THANH NHÂN | Thôn Bì, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông         | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    | 121538289                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số                   | 196.000    | 1.960.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                     |                                                                 |                           |         |               |        |           |
|---|---------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN THANH PHƯƠNG | Thôn Bĩ, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 588.000 | 5.880.000.000 | 60,000 | 120893335 |
|   |                     |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                     |                                                                 | Tổng số                   | 588.000 | 5.880.000.000 | 60,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/08/1954

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 120893335

Ngày cấp: 19/05/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bĩ, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bĩ, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang